

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH

Số: 215/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 17 tháng 02 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch và Lộ trình cấp nước  
an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch  
tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH & VS&TN

Số: 122  
DEN Ngày: 22/02/2010  
Chuyển: 22/2/2017

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Giao khai* Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
*Lai lặp kẽ* Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp  
và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP  
ngày 11/7/2017 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính  
phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến  
năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính  
phủ về phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn  
2016 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ  
Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Xét Tờ trình số 192/TTr-SXD ngày 23/11/2016 của Giám đốc Sở Xây dựng  
về việc phê duyệt Kế hoạch và Lộ trình thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và  
chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch và Lộ trình cấp nước an toàn và chống thất thoát,  
thất thu nước sạch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020, với các nội dung như sau:

#### 1. Mục tiêu:

- Có giải pháp ứng phó với các sự cố bất thường và quản lý rủi ro, khắc phục  
sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối  
nước đến khách hàng sử dụng.

- Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, đủ lượng nước và đảm bảo chất lượng  
nước cấp theo QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước ăn uống, QCVN  
02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe cộng đồng,  
giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển  
kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

- Đến năm 2020, dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99%; dân cư nông thôn đạt 93%.

**2. Lộ trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch:**

**a) Lộ trình cấp nước an toàn:**

STT	Hệ thống cấp nước	Lộ trình (Năm)
I	Khu vực đô thị	
1	Nhà máy nước thị xã Duyên Hải	2017, 2018
2	Nhà máy nước Càng Long	2017, 2018
3	Nhà máy nước Long Thành	2018, 2019
4	Nhà máy nước Trà Cú	2018, 2019
5	Nhà máy nước Định An	2018, 2019
6	Nhà máy nước Cầu Kè	2019, 2020
7	Nhà máy nước Cầu Ngang+Mỹ Long	2019, 2020
8	Nhà máy nước Tiểu Cần+Cầu Quan	2019, 2020
9	Nhà máy nước thành phố Trà Vinh+Châu Thành	2019, 2020
II	Khu vực nông thôn	
1	Trạm cấp nước Tân An	2017, 2018
2	Trạm cấp nước Nhị Long Phú	2017, 2018
3	Trạm cấp nước Huyền Hội	2017, 2018
4	Trạm cấp nước Phương Thạnh	2017, 2018
5	Trạm cấp nước Đại Phúc	2017, 2018
6	Trạm cấp nước Châu Điện	2017, 2018
7	Trạm cấp nước Thạnh Phú	2017, 2018
8	Trạm cấp nước Phước Hảo	2017, 2018
9	Trạm cấp nước Hòa Lợi	2018, 2019
10	Trạm cấp nước Hưng Mỹ	2018, 2019
11	Nhà máy nước sạch xã Long Toàn	2018, 2019
12	Trạm cấp nước Long Hữu	2018, 2019
13	Nhà máy nước sạch ấp Nhà Mát, Trường Long Hòa	2018, 2019
14	Trạm cấp nước Ngọc Biên	2018, 2019
15	Trạm cấp nước Tân Sơn	2018, 2019
16	Trạm cấp nước Liên xã Đại Phước	2018, 2019
17	Trạm cấp nước Long Thới	2019, 2020
18	Trạm cấp nước Hòa Minh	2019, 2020
19	Trạm cấp nước ấp 4, Mỹ Cầm	2019, 2020
20	Trạm cấp nước Nhị Long	2019, 2020

21	Trạm cấp nước Vinh Kim	2019, 2020
22	Trạm cấp nước Ô Bắp	2019, 2020
23	Trạm cấp nước Nguyệt Hóa	2019, 2020
24	Trạm cấp nước Dân Thành	2019, 2020

b) Lộ trình giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch:

STT	Hệ thống cấp nước	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch (%)	
		Hiện trạng	Đến năm 2020
1	Các Nhà máy nước/Trạm cấp nước tại đô thị (09 Nhà máy nước/Trạm cấp nước)		
1.1	Do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh quản lý (06 Nhà máy nước/Trạm cấp nước)	5,47÷14,66	≤12
1.2	Do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý (03 Nhà máy nước/Trạm cấp nước)	14,22÷23,00	≤18
2	Các Nhà máy nước/Trạm cấp nước tại nông thôn (63 Nhà máy nước/Trạm cấp nước)	$\leq 16$ $>16\% \div \leq 20\%$ $>20\% \div \leq 26\%$ $>26\% \div \leq 29\%$	12 14 20 25

3. Nhiệm vụ:

a) Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước:

- Lập sơ đồ hệ thống: Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước đến người sử dụng.
  - Thông tin về nguồn nước cung cấp:
    - + Số lượng giếng, bãi giếng; đường kính, độ sâu của giếng.
    - + Công suất khai thác.
    - + Các biến đổi chất lượng nước theo mùa và các mối liên quan khác.
  - Công trình xử lý: Mô tả chi tiết công nghệ và quy trình quản lý vận hành công trình xử lý của hệ thống.
  - Mạng lưới đường ống: Đường ống chuyên tải, phân phối, dự trữ nước.
  - Thông tin về khách hàng sử dụng nước: Số lượng khách hàng, đối tượng sử dụng, cách thức sử dụng nước.
  - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ: Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng nước, lưu lượng, áp lực, cấp nước liên tục,...
  - Hóa chất sử dụng: Chất keo tụ, chất khử trùng và các loại hóa chất khác.
  - Phạm vi cấp nước: Vùng cấp nước, khách hàng sử dụng hiện tại và tương lai.
  - Thông tin về cán bộ, nhân viên quản lý vận hành hệ thống: Tổng số cán bộ, nhân viên quản lý vận hành toàn hệ thống, số lượng nhân viên vận hành từng công đoạn từ nguồn - mạng tiêu thụ (kể cả cán bộ thu ngân).

- Quy trình vận hành, ghi chép và báo cáo:
  - + Mô tả chi tiết quy trình vận hành toàn hệ thống, từng công đoạn.
  - + Sổ sách ghi chép nhật ký vận hành và chế độ báo cáo.
- Thông kê vật tư, thiết bị: Số lượng, chủng loại máy móc, vật tư, thiết bị.
- b) Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước:
  - Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực: Ô nhiễm nguồn nước; trữ lượng nước không ổn định, cạn kiệt.
  - Các nguy cơ, rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước: Sử dụng hoá chất không đúng; không kiểm soát được các chỉ tiêu về hàm lượng cặn, độ đục, Coliforms, Permanganat, Nitrite, kim loại, hoá chất,... của nguồn nước và chất lượng nước đầu ra.
  - Các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước: Mất điện, vỡ mạng lưới đường ống; vật tư, thiết bị hỏng; quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng không chặt chẽ, không phù hợp, không đúng quy trình; thiên tai lũ lụt.
  - Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa: Nguy cơ về ô nhiễm, biến động, suy giảm nguồn nước; nguy cơ về các sự cố trên mạng lưới đường ống cấp nước; nguy cơ về sự cố nguồn điện; nguy cơ về công nghệ xử lý; nguy cơ về quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng, nguy cơ về ý thức sử dụng nước của khách hàng.
- c) Biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro:
  - Xác định các yếu tố/chỉ tiêu cần theo dõi; cách theo dõi/quan trắc; tần suất theo dõi; thời điểm bắt đầu theo dõi; người chịu trách nhiệm theo dõi.
  - Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng, xác định các biện pháp kiểm soát cần ưu tiên.
  - Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung: Chu kỳ hàng tháng, quý hoặc năm kiểm tra, rà soát các nguy cơ rủi ro; phối hợp các cơ quan có liên quan để xử lý kịp thời các nguy cơ rủi ro.
  - Các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa bổ sung: Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra, theo dõi, giám sát nguồn nước; lắp đặt thiết bị kiểm tra, báo tự động đối với trạm bơm cấp I, trạm bơm cấp II; thực hiện kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra bất thường đối với bể lọc, khử trùng, bể chứa nước sạch, hệ thống mạng, hố van, đồng hồ đo và các biện pháp nghiệp vụ khác.
- d) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro:
  - Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro: Hàng ngày, chia thành các ca hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình vận hành, quy trình kiểm tra và hướng dẫn các thao tác trong quá trình sản xuất và tiêu thụ.
  - Đánh giá việc thực hiện các biện pháp mỗi tháng 01 lần theo dõi, kiểm chứng các chỉ tiêu: Độ đục, pH, Clo, Coliforms, Permanganat, hàm lượng sắt tổng  $Fe^{2+}$ ,  $Mn^{2+}$ , độ cứng  $CaCO_3$ ,  $N03^-$ , áp lực, lưu lượng,... để xét nghiệm các chỉ tiêu quan trọng của nước thành phẩm.

- Đánh giá lại các rủi ro sau khi áp dụng các biện pháp khắc phục; xác định các rủi ro ưu tiên cần giải quyết; phòng ngừa khi xảy ra rủi ro.

d) Kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp:

- Phát hiện và thông báo sự cố: Kiểm tra sự cố; thông báo đến Nhóm cấp nước an toàn của đơn vị.

- Báo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng.

- Xác định nguyên nhân sự cố: Kiểm tra, phân tích đánh giá nguyên nhân.

- Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố; Đề xuất các phương án giải quyết, lập biên bản xử lý.

- Thực hiện các hành động ứng phó: Cố lập khu vực sự cố; dự trù nhân lực thiết bị, vật tư xử lý.

- Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; Thực hiện xử lý sự cố và giám sát, khôi phục cung cấp ổn định cho khách hàng.

- Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài: Kiểm tra các khu vực lân cận do tác động sự cố, phân tích đánh giá hậu quả.

- Giải trình, báo cáo: Giải trình sự cố, lập hồ sơ sự cố, báo cáo chi tiết, lập hồ sơ khối lượng thực hiện xử lý sự cố, thanh quyết toán khối lượng.

- Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục.

- Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai: Phân tích đánh giá nguyên nhân, đánh giá hậu quả, biện pháp khắc phục, đưa ra các biện pháp ngăn ngừa sự cố tương tự và báo cáo cơ quan chức năng.

e) Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn:

- Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác: Áp dụng cho các nhà máy nước/trạm cấp nước tập trung có công suất từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, tần suất kiểm tra 01 lần/tháng các chỉ tiêu chất lượng nước theo QCVN 01:2009/BYT và áp dụng cho các nhà máy nước/trạm cấp nước tập trung có công suất dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tần suất kiểm tra 01 lần/03 tháng (04 đợt/năm) các chỉ tiêu chất lượng nước theo QCVN 02:2009/BYT để giám sát, kiểm soát đối với các trạm cấp nước do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh quản lý và tần suất kiểm tra 01 lần/06 tháng (02 đợt/năm) đối với các trạm cấp nước do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ, Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, QCVN 01:2009/BYT và QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế.

- Lập sổ tay cấp nước an toàn gồm toàn bộ các quy trình quản lý chất lượng nước, giải quyết rủi ro, lưu trữ, báo cáo,...

- Xây dựng các tiêu chí giám sát cho các yếu tố/chỉ tiêu cần theo dõi; tần suất kiểm tra đánh giá các công việc, chỉ tiêu đã đề ra trong việc triển khai cấp nước an toàn.

toàn.

- Yêu cầu về quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý ISO: 9000: Các yêu cầu về sản phẩm; khách hàng; mua hàng; sản xuất cung cấp dịch vụ; đo lường, phân tích và cải tiến.

- Theo dõi/quan trắc các chỉ tiêu chất lượng theo Kế hoạch cấp nước an toàn kiểm chứng với các quy định hiện hành.

- Đánh giá nội bộ từng công đoạn thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và đánh giá tổng thể các hoạt động vận hành Kế hoạch cấp nước an toàn.

**g) Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn:**

- Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn. Định kỳ 06 tháng, năm hoặc bất thường rà soát các văn bản, tài liệu liên quan về hệ thống cấp nước, tiêu thụ nước và điều chỉnh khi cần thiết.

- Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu: Tài liệu nội bộ và tài liệu bên ngoài.

- Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ; Đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước. Lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo TCVN ISO 9001:2008 của đơn vị.

- Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng.

**h) Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai (định kỳ hàng năm):**

- Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố:

+ Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch: Sử dụng hệ thống SCADA theo dõi thường xuyên lưu lượng, áp lực tại các khu vực để kịp thời phát hiện chính xác điểm rò rỉ; thay thế các tuyến ống sắt tráng kẽm cũ có nguy cơ cao gây thất thoát nước trên mạng lưới và ảnh hưởng chất lượng nước, kế hoạch thực hiện từ nay đến năm 2020; thay thế và kiểm định đồng hồ, kế hoạch thực hiện thường xuyên, định kỳ theo quy định.

+ Quản lý mạng lưới, giảm chi phí vận hành: Phân vùng tách mạng quản lý khu vực về lưu lượng, áp lực đáp ứng nhu cầu sử dụng cho tất cả khách hàng; lắp hệ thống biến tần cho các nhà máy nước; thí điểm lắp van điều áp tự động (van thông minh) trên tuyến mạng để tiết kiệm điện và để điều hòa áp lực trên mạng lưới cấp nước; thay thế bảo dưỡng máy móc.

+ Cải tạo, nâng cấp nhà máy từng bước tự động hóa thực hiện theo lộ trình đến năm 2020.

- Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn:

+ Đổi mới với các nhà máy nước/trạm cấp nước đô thị: Kiểm tra chất lượng nước thô 01 lần/ngày để đánh giá các chỉ tiêu pH, độ đục, hàm lượng sắt, độ dẫn điện của nguồn nước,...; kiểm tra ngoại kiem ít nhất 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ Đổi mới với các nhà máy nước/trạm cấp nước nông thôn: Kiểm tra chất lượng nước thô 02 lần/năm để đánh giá các chỉ tiêu pH, độ đục, hàm lượng sắt,

tổng, độ dẫn điện của nguồn nước,...; kiểm tra nội kiêm và ngoại kiêm 02 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế; hàng tuần kiểm tra các chỉ tiêu nước sạch sau xử lý theo QCVN 01:2009/BYT và QCVN 02:2009/BYT.

- Hàng năm có kế hoạch đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân viên và tham gia các hội thảo về lĩnh vực cấp nước.

- Tổ chức tuyên truyền Ngày Môi trường Thế giới, ngày Nước Thế giới (22/3) 01 lần/năm; tuyên truyền bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm nước 02 lần/năm.

i) Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo:

- Các bộ phận được phân công phụ trách gửi kiến nghị, đề xuất hàng tháng gửi về phòng Kỹ thuật để tổng hợp báo cáo, nếu có sự cố lớn phải báo cáo ngay với Nhóm cấp nước an toàn của đơn vị để xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thu, thất thoát nước sạch tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

- Nhóm cấp nước an toàn của đơn vị lập và điều chỉnh Kế hoạch cấp nước an toàn các năm tiếp theo gửi Ban Chỉ đạo và Sở Xây dựng trước ngày 05/12 hàng năm.

- Hàng quý các bộ phận được phân công gửi báo cáo về Nhóm cấp nước an toàn của đơn vị để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/5), năm (trước ngày 10/12) và đột xuất: Nhóm cấp nước an toàn của đơn vị báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn gửi Ban Chỉ đạo và Sở Xây dựng.

**4. Nguồn kinh phí thực hiện:** Kinh phí thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch do đơn vị cấp nước lập theo phạm vi được giao quản lý và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

**1. Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Trà Vinh:**

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và Lộ trình thực hiện cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020.

b) Chỉ đạo tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của từng nhà máy nước/trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh theo lộ trình.

### 2. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu Ban Chỉ đạo để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, đôn đốc đơn vị cấp nước lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của từng nhà máy nước/trạm cấp nước theo lộ trình.

c) Thẩm định và trình Ban Chỉ đạo phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn của từng trạm cấp nước theo lộ trình.

d) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra các đơn vị cung cấp nước về chất lượng nước ăn uống, chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Tham gia, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và lộ trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn.

5. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh và Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn:

a) Tổ chức lập và triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của từng trạm cấp nước theo lộ trình được phê duyệt; trình Sở Xây dựng thẩm định.

b) Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/5), hàng năm (trước ngày 10/12) hoặc đột xuất báo cáo Sở Xây dựng về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của từng trạm cấp nước do đơn vị quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện cấp nước an toàn tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thành viên Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Trà Vinh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.¶

*Nơi nhận:*

- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Kho bạc NN TV;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: NN, KT;
- Lưu: VT, CNXD.246.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng